

Chị S và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau ngày cưới, vợ chồng chị S sống tại ấp B7, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị S yêu cầu ly hôn với anh P.

Con chung tên Hữu Thị Thùy T, sinh ngày 10/01/2014 và Hữu Minh V, sinh ngày 05/6/2016. Khi ly hôn chị S yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung chị S và anh P tự thỏa thuận, nợ chung không có nên chị S không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị S và anh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị S và anh P chung sống không còn hạnh phúc và ly thân từ năm 2018 đến nay mà không hàn gắn để chung sống với nhau. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung do chị S đang nuôi dạy nên cần tiếp tục giao chị S nuôi dạy, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hữu Hoàng P. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh P có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị S và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị S, vào ngày 01/7/2020 chị S có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Hữu Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/7/2013. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị S yêu cầu ly hôn với anh P. Xét thấy, yêu cầu của chị S là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh P vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị S và anh Hữu Hoàng P được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Hữu Thị Thùy T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nữ) và Hữu Minh V, sinh ngày 05/6/2016 (giới tính nữ). Xét thấy, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có cơ sở. Bởi vì, con chung là nữ hiện chị S nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh P biết yêu cầu của chị S nhưng anh P không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị S. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị S nuôi dạy là phù hợp theo Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện chị S yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án chị S không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị S xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận, nợ chung không có nên chị S không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, tại xác nhận ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận thời gian chung sống tại địa P anh chị không có bị ai khiếu kiện nợ tại địa P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét là có căn cứ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị S và anh Hữu Hoàng P.

2.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Hữu Hoàng P được ly hôn.

3.Về con chung: Giao con chung Hữu Thị Thùy T, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nữ) và Hữu Minh V, sinh ngày 05/6/2016 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dạy. Anh Hữu Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp theo quy định pháp luật không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chị S và anh P tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 06 tháng 5 năm 2020 chị S có dự nộp 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011156 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang